

DOI: 10.58490/ctjump.2026i95.4662

MỐI LIÊN QUAN GIỮA KẾT QUẢ TUYỂN SINH ĐẦU VÀO VÀ KẾT QUẢ HỌC TẬP HAI NĂM ĐẦU CỦA SINH VIÊN Y KHOA TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ

*Phạm Kiều Anh Tho**, *Trần Quang Khải*, *Trần Bình Khiêm*,
Huỳnh Công Hiệp, *Trần Thuỳ Dương*, *Lê Quang Lượng*
Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

*Email: pkatho@ctump.edu.vn

Ngày nhận bài: 05/02/2026

Ngày phản biện: 22/02/2026

Ngày duyệt đăng: 25/02/2026

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Tuyển sinh đại học là bước ngoặt quan trọng, đặc biệt với ngành Y khoa đòi hỏi chất lượng đầu vào cao. Việc tìm hiểu mối liên quan giữa điểm thi đầu vào và kết quả học tập giúp đánh giá giá trị của kỳ thi tuyển sinh. **Mục tiêu nghiên cứu:** 1. Mô tả kết quả tuyển sinh đầu vào và kết quả học tập hai năm đầu của sinh viên Y khoa Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. 2. Phân tích mối liên quan giữa kết quả tuyển sinh đầu vào và kết quả học tập trong hai năm đầu tiên. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu đoàn hệ hồi cứu trên 773 hồ sơ sinh viên Y khoa trúng tuyển năm 2023. Dữ liệu về điểm tổ hợp B00 (Toán, Hóa, Sinh) và điểm trung bình năm thứ nhất, năm thứ hai được thu thập và phân tích bằng SPSS 22.0, sử dụng ANOVA và Independent sample t-test. **Kết quả:** Điểm trung bình tổ hợp B00 là $25,52 \pm 0,78$. Tỷ lệ sinh viên đạt học lực Khá trở lên chiếm đa số ở cả năm nhất (76,6%) và năm hai (85,3%). Có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về điểm trung bình từng môn và tổ hợp B00 giữa các nhóm học lực (Yếu-Trung bình, Khá, Giỏi-Xuất sắc) ở cả năm nhất và năm hai ($p < 0,05$). Nhóm sinh viên có điểm đầu vào càng cao thì kết quả học tập ở đại học càng tốt. **Kết luận:** Kết quả tuyển sinh đầu vào, đặc biệt là điểm tổ hợp B00, có mối liên quan chặt chẽ với kết quả học tập trong hai năm đầu của sinh viên Y khoa tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

Từ khóa: Tuyển sinh đại học, kết quả học tập, sinh viên Y khoa, tổ hợp B00, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

ABSTRACT

THE RELATIONSHIP BETWEEN ADMISSION SCORES AND THE FIRST TWO YEARS' ACADEMIC PERFORMANCE OF MEDICAL STUDENTS AT CAN THO UNIVERSITY OF MEDICINE AND PHARMACY

*Pham Kieu Anh Tho**, *Tran Quang Khai*, *Tran Binh Khiem*,
Huynh Cong Hiep, *Tran Thuy Duong*, *Le Quang Luong*
Can Tho University of Medicine and Pharmacy

Background: University admission is a crucial milestone, especially for the medical field which demands high input quality. Investigating the relationship between admission scores and academic performance helps evaluate the predictive value of the entrance examination. **Objectives:** 1. To describe the admission results and the first two years' academic performance of medical students at Can Tho University of Medicine and Pharmacy; 2. To analyze the relationship between admission results and academic performance during the first two years. **Materials and Methods:** A retrospective cohort was conducted on 773 records of medical students admitted in 2023. Data on high school graduation exam scores (Mathematics, Chemistry, Biology) and grade point averages (GPA) of the first five semesters were collected and analyzed using SPSS 22.0 with ANOVA and Independent sample

t-test. Results: The average score for the B00 combination was 25.52 ± 0.78 . The majority of students achieved an academic performance of "Good" or higher in both the first year (76.6%) and second year (85.3%). There were statistically significant differences in the mean scores of each subject and the B00 combination among the academic performance groups (Poor-Average, Fair, Good-Excellent) in both the first and second years ($p < 0.05$). Students with higher admission scores tended to have better university academic performance. Conclusion: Admission results, especially the B00 combination score, are closely related to the academic performance in the first two years of medical students at Can Tho University of Medicine and Pharmacy.

Keywords: University admission, academic performance, medical students, B00 combination, Can Tho University of Medicine and Pharmacy.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hiện nay, các trường đại học trên thế giới và Việt Nam áp dụng nhiều phương thức xét tuyển đa dạng như xét điểm thi tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT), điểm học bạ, hay các kỳ thi đánh giá năng lực [1]. Đối với lĩnh vực khoa học sức khỏe, đặc biệt là ngành Y khoa, việc tuyển chọn được những sinh viên có năng lực học tập tốt là yếu tố tiên quyết, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng đào tạo và nguồn nhân lực y tế trong tương lai [2]. Tại Việt Nam, đa số các trường đại học công lập và tư thục tuyển sinh ngành Y khoa dựa trên điểm thi tốt nghiệp THPT với các tổ hợp truyền thống như B00 (Toán, Hóa, Sinh) và A00 (Toán, Lý, Hóa) [3, 4]. Theo lý thuyết giáo dục y khoa, kiến thức nền tảng về khoa học cơ bản (Toán, Hóa, Sinh) đóng vai trò then chốt trong việc xây dựng cấu trúc nhận thức để tiếp thu kiến thức lâm sàng sau này. Các môn học này không chỉ cung cấp ngôn ngữ khoa học mà còn rèn luyện tư duy logic, phân tích và giải quyết vấn đề – những năng lực cốt lõi của bác sĩ tương lai. Do đó, điểm thi các môn này được kỳ vọng phản ánh năng lực nhận thức tổng quát và có giá trị dự báo kết quả học tập đại học.

Tuy nhiên, câu hỏi đặt ra là liệu kết quả của kỳ thi đầu vào này có thực sự phản ánh và liên quan với kết quả học tập của sinh viên trong môi trường đại học, việc xét tổ hợp có giá trị hơn từng môn riêng lẻ hay không? Việc tìm hiểu mối liên quan này có ý nghĩa quan trọng trong việc đánh giá lại hiệu quả của công tác tuyển sinh, từ đó có những điều chỉnh phù hợp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo. Xuất phát từ thực tiễn đó, nghiên cứu này được tiến hành với hai mục tiêu cụ thể: 1) Mô tả kết quả các môn tuyển sinh đầu vào và kết quả học tập hai năm đầu của sinh viên Y khoa tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ; 2) Phân tích mối liên quan giữa kết quả tuyển sinh đầu vào và kết quả học tập trong hai năm đầu tiên của sinh viên Y khoa tại trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Toàn bộ hồ sơ của sinh viên ngành Y khoa chính quy trúng tuyển vào Trường Đại học Y Dược Cần Thơ trong năm 2023.

- **Tiêu chuẩn chọn mẫu:** Sinh viên ngành Y khoa được chọn vào nghiên cứu khi có đầy đủ dữ liệu về điểm xét tuyển đầu vào (điểm môn Toán, Hóa, Sinh) và kết quả học tập các học phần trong hai năm đầu đại học.

- **Tiêu chuẩn loại trừ:** Sinh viên xin thôi học, nghỉ học tạm thời, chuyển trường, chuyển ngành hoặc học theo chương trình đào tạo khác.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- **Thiết kế nghiên cứu:** Đoàn hệ hồi cứu.

- **Cỡ mẫu:** Chọn mẫu toàn bộ. Thực tế thu được 773 mẫu.

- **Nội dung nghiên cứu:** Các hồ sơ sinh viên thỏa tiêu chuẩn chọn mẫu và không thuộc tiêu chuẩn loại trừ được thu thập và phân tích. Các thông tin bao gồm đặc điểm chung như tuổi, giới, trường THPT (chuyên hoặc không chuyên), khu vực và chế độ ưu tiên trong tuyển sinh; điểm xét tuyển đại học của các môn Toán, Hóa học, Sinh học và điểm Tổ hợp B00 (tổng điểm 3 môn Toán, Hoá, Sinh không bao gồm điểm ưu tiên khu vực và đối tượng nhằm đánh giá chính xác hơn năng lực học thuật nền tảng của thí sinh, tránh nhiễu do chính sách ưu tiên); cùng với kết quả học tập trong hai năm đầu đại học, bao gồm điểm trung bình các năm học. Điểm trung bình năm học (GPA) được tính theo thang điểm 10, là trung bình cộng có trọng số theo số tín chỉ của tất cả các học phần trong năm học đó [5]. Xếp loại học lực năm học là phân loại kết quả học tập dựa theo GPA năm học theo Quy chế đào tạo trình độ đại học [5].

- **Phương pháp xử lý và phân tích số liệu:** Số liệu được xử lý bằng phần mềm SPSS 22.0. Biến định tính được mô tả bằng tần số và tỷ lệ phần trăm. Biến định lượng được mô tả bằng trung bình \pm độ lệch chuẩn (nếu phân phối chuẩn) hoặc trung vị (khoảng tứ phân vị) (nếu phân phối không chuẩn). So sánh trung bình điểm các môn tuyển sinh giữa các nhóm học lực (Yếu-Trung bình, Khá, Giỏi-Xuất sắc) bằng kiểm định ANOVA. So sánh cặp giữa các nhóm bằng kiểm định Independent sample t-test. Khi ANOVA có ý nghĩa thống kê ($p < 0,05$), phép hậu kiểm Tukey hoặc Bonferroni được thực hiện để so sánh từng cặp nhóm, với mức ý nghĩa hiệu chỉnh $\alpha = 0,05$.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Bảng 1. Một số đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu (n=773).

Đặc điểm		Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Tuổi	20 tuổi	677	87,6
	> 20 tuổi	96	12,4
Giới tính	Nam	369	44,7
	Nữ	404	52,3
Học tại trường THPT chuyên		177	22,9
Khu vực được cộng điểm ưu tiên		652	84,3

Nhận xét: Đa số sinh viên trong độ tuổi 20 (87,6%), tỷ lệ nữ (52,3%) cao hơn nam (47,7%). Chỉ có 22,9% sinh viên tốt nghiệp từ trường THPT chuyên và phần lớn (84,3%) thuộc diện được cộng điểm ưu tiên theo khu vực.

3.2. Kết quả tuyển sinh đầu vào và kết quả học tập trong hai năm học đầu tiên

Bảng 2. Kết quả tuyển sinh đầu vào (n=773).

Kết quả	Môn học	Giá trị*
Kết quả từng môn học	Toán	8,26 \pm 0,43
	Hóa học	8,57 \pm 0,46
	Sinh học	8,75 (8,50 - 9,00)
Kết quả Tổ hợp B00 (Toán-Hóa-Sinh) ^a		25,52 \pm 0,78

*Giá trị được biểu diễn dưới dạng trung bình \pm độ lệch chuẩn (đối với biến số phân phối chuẩn) hoặc trung vị (khoảng tứ phân vị) (đối với biến số phân phối không chuẩn).

^aKết quả Tổ hợp B00: tổng điểm 3 môn Toán, Hoá, Sinh không bao gồm điểm ưu tiên khu vực và đối tượng nhằm đánh giá chính xác hơn năng lực học thuật nền tảng của thí sinh, tránh nhiễu do chính sách ưu tiên.

Nhận xét: Đa số trung bình các môn học đều trên 8 điểm theo thang điểm 10, kết quả tuyển sinh trung bình theo tổ hợp B00 là $25,52 \pm 0,78$.

Bảng 3. Xếp loại học lực trong hai năm học đầu tiên của sinh viên

Học lực	Năm học thứ nhất (n=773)		Năm học thứ hai (n=773)	
	Tần số (sinh viên)	Tỷ lệ (%)	Tần số (sinh viên)	Tỷ lệ (%)
Xuất sắc	66	8,5	175	22,6
Giỏi	202	26,1	202	26,1
Khá	325	42,0	283	36,6
Trung bình	127	16,4	73	9,5
Yếu	53	6,9	40	5,2

Nhận xét: Tỷ lệ sinh viên loại Khá trở lên ở năm nhất là 76,6% và tăng lên 85,3% ở năm hai. Tỷ lệ sinh viên xếp loại Xuất sắc tăng mạnh từ 8,5% lên 22,6% ở năm thứ hai.

3.3. Mối liên quan giữa kết quả tuyển sinh và kết quả học tập hai năm đầu tiên

Bảng 4. So sánh trung bình điểm các môn tuyển sinh đối với các nhóm xếp loại học tập năm học thứ nhất

Môn học	Yếu - Trung bình (n=180)	Khá (n=325)	Giỏi - Xuất sắc (n=268)	η^2	p	p1	p2	p3
Toán	$8,20 \pm 0,44$	$8,24 \pm 0,43$	$8,32 \pm 0,43$	0,012	0,008	0,512	0,048	0,002
Hóa học	$8,46 \pm 0,50$	$8,51 \pm 0,43$	$8,71 \pm 0,44$	0,042	<0,001	0,401	<0,001	<0,001
Sinh học	$8,58 \pm 0,48$	$8,69 \pm 0,46$	$8,79 \pm 0,46$	0,036	<0,001	0,018	0,039	<0,001
Tổ hợp B00	$25,24 \pm 0,77$	$25,45 \pm 0,76$	$25,82 \pm 0,71$	0,084	<0,001	0,010	<0,001	<0,001

η^2 : đo mức độ ảnh hưởng của nhóm học lực lên điểm tuyển sinh

p: giá trị p của phép kiểm định phương sai ANOVA giữa 3 nhóm

p1, p2, p3: lần lượt là giá trị p hiệu chỉnh cho so sánh bội theo phương pháp Tukey hoặc Bonferroni giữa nhóm Yếu-Trung bình với Khá, giữa Khá với Giỏi-Xuất sắc và giữa Yếu-Trung bình với Giỏi-Xuất sắc.

Nhận xét: Có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về điểm tuyển sinh giữa ba nhóm học lực, điểm càng cao thì học lực càng tốt ($p < 0,05$).

Bảng 5. So sánh trung bình điểm các môn tuyển sinh đối với các nhóm xếp loại học tập năm học thứ hai

Môn học	Yếu - Trung bình (n=113)	Khá (n=283)	Giỏi - Xuất sắc (n=377)	η^2	p	p1	p2	p3
Toán	$8,14 \pm 0,46$	$8,23 \pm 0,43$	$8,31 \pm 0,42$	0,019	<0,001	0,187	0,041	<0,001
Hóa học	$8,46 \pm 0,50$	$8,51 \pm 0,46$	$8,64 \pm 0,45$	0,031	<0,001	0,682	<0,001	<0,001
Sinh học	$8,60 \pm 0,49$	$8,64 \pm 0,47$	$8,77 \pm 0,45$	0,028	<0,001	0,745	<0,001	<0,001
Tổ hợp B00	$25,22 \pm 0,83$	$25,38 \pm 0,74$	$25,73 \pm 0,74$	0,092	<0,001	0,049	0,015	<0,001

η^2 : đo mức độ ảnh hưởng của nhóm học lực lên điểm tuyển sinh

p: giá trị p của phép kiểm định phương sai ANOVA giữa 3 nhóm

p1, p2, p3: lần lượt là giá trị p hiệu chỉnh cho so sánh bội theo phương pháp Tukey hoặc Bonferroni giữa nhóm Yếu-Trung bình với Khá, giữa Khá với Giỏi-Xuất sắc và giữa Yếu-Trung bình với Giỏi-Xuất sắc.

Nhận xét: Điểm đầu vào cao hơn có liên quan với học lực tốt hơn ở năm hai ($p < 0,001$). Tổ hợp B00 phân tách rõ hơn điểm từng môn lẻ, đặc biệt giữa nhóm Yếu-Trung bình và Khá ($p = 0,049$).

IV. BÀN LUẬN

4.1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Nghiên cứu trên 773 sinh viên Y khoa cho thấy đa số ở độ tuổi 20 (87,6%), tỷ lệ nữ (52,3%) cao hơn nam, phù hợp với xu hướng nữ hóa ngành Y trong nước và khu vực. Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Trịnh Thị Hồng Nhung và cộng sự (2025) tại Trường Đại học Y Hà Nội, ghi nhận tỷ lệ nữ chiếm 59,09% [6]. Xu hướng nữ hóa ngành Y đang ngày càng phổ biến tại Việt Nam, phù hợp với nhận định của nhiều nghiên cứu về giáo dục y khoa trong khu vực. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp từ trường THPT chuyên chiếm 22,9%; cao hơn rất nhiều so với tỷ lệ học sinh trường chuyên trên tổng số học sinh THPT trên cả nước (2,7%), phản ánh chất lượng đầu vào vượt trội [7]. Phần lớn sinh viên (84,3%) thuộc diện được cộng điểm ưu tiên khu vực, phù hợp với chính sách tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo [1].

4.2. Kết quả tuyển sinh đầu vào và kết quả học tập trong hai năm đầu

Điểm trung bình tổ hợp B00 đạt $25,52 \pm 0,78$, cao hơn so với mặt bằng chung nhiều trường trong khu vực (8), phản ánh chất lượng đầu vào tốt và tính cạnh tranh cao [8]. Điểm trung bình tổ hợp B00 đạt $25,52 \pm 0,78$, cao hơn so với mặt bằng chung nhiều trường trong khu vực, phản ánh chất lượng đầu vào tốt và tính cạnh tranh cao.

Tỷ lệ sinh viên đạt học lực Khá trở lên tăng từ 76,6% (năm nhất) lên 85,3% (năm hai), trong đó tỷ lệ Xuất sắc tăng mạnh từ 8,5% lên 22,6%. Sự tiến bộ này phù hợp với nghiên cứu của Khadka A và cộng sự (2024) tại Nepal [9]. Điều này có thể do sinh viên thích nghi tốt hơn; hoặc chương trình năm 2 có các chuẩn đánh giá dễ hơn; hoặc hiệu ứng “lam phát điểm” nội bộ. Dù vậy, tỷ lệ sinh viên Trung bình và Yếu ở năm hai vẫn còn 14,7%, cần có biện pháp hỗ trợ học tập kịp thời.

4.3. Mối liên quan giữa kết quả tuyển sinh và kết quả học tập hai năm đầu

Kết quả cho thấy điểm tuyển sinh đầu vào có mối liên quan chặt chẽ với kết quả học tập, thể hiện qua sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về điểm tổ hợp B00 giữa ba nhóm học lực ở cả hai năm ($p < 0,05$), tương đồng với nghiên cứu của Almarabeh và cộng sự (2022) khi ghi nhận có mối tương quan tích cực giữa các tiêu chí tuyển sinh và kết quả học tập của sinh viên năm nhất, năm tư, kỳ thi Cử nhân Khoa học Y tế và kỳ thi Bác sĩ Y khoa [10]. Nhóm Giỏi-Xuất sắc có điểm đầu vào cao hơn có ý nghĩa so với nhóm Yếu-Trung bình ($p < 0,001$), phù hợp với kết quả của Trần Thị Lợi, khẳng định giá trị của kỳ thi tốt nghiệp THPT trong sàng lọc tuyển sinh Y khoa [11].

Đặc biệt, điểm tổ hợp B00 có khả năng phân tách nhóm học lực tốt hơn điểm từng môn đơn lẻ: ở năm hai, dù từng môn không khác biệt giữa nhóm Yếu-Trung bình và Khá ($p > 0,05$), nhưng tổ hợp B00 vẫn khác biệt ($p = 0,049$). Điều này ủng hộ quan điểm của Althewini (2025) về giá trị dự báo vượt trội của điểm tổ hợp [12]. Phát hiện này phù hợp với lý thuyết kiến thức nền tảng, khẳng định rằng năng lực khoa học cơ bản được đánh giá qua kỳ thi tốt nghiệp THPT có khả năng chuyển hóa thành thành công học tập trong giai đoạn đầu đào tạo y khoa.

Hạn chế của nghiên cứu bao gồm thiết kế cắt ngang trên một khóa sinh viên duy nhất, chưa theo dõi dọc qua nhiều năm. Ngoài ra, các yếu tố nhiễu tiềm tàng như điều kiện

kinh tế gia đình, phương pháp học tập, sức khỏe tâm lý chưa được thu thập và phân tích. Các nghiên cứu tương lai nên mở rộng cỡ mẫu qua nhiều khóa, kết hợp thiết kế đoàn hệ và thu thập thêm các yếu tố liên quan để có cái nhìn toàn diện hơn về các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên Y khoa.

V. KẾT LUẬN

Nghiên cứu trên 773 sinh viên Y khoa tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ cho thấy chất lượng đầu vào cao, kết quả học tập hai năm đầu tốt (đa số đạt Khá trở lên). Có mối liên quan chặt chẽ giữa điểm tuyển sinh và kết quả học tập, trong đó điểm tổ hợp B00 có giá trị dự báo tốt hơn điểm từng môn lẻ. Kết quả khẳng định giá trị của kỳ thi tốt nghiệp THPT trong tuyển sinh Y khoa.

LỜI CẢM ƠN

Nhóm nghiên cứu xin gửi lời cảm ơn đến Trường Đại học Y Dược Cần Thơ đã hỗ trợ kinh phí thực hiện đề tài này. Chúng tôi xin trân trọng cảm ơn Phòng Đào tạo Đại học, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ đã hỗ trợ trong việc thu thập số liệu nghiên cứu này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Ban hành Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học và ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng, *Bộ Giáo dục và Đào tạo*, Editor. 2026: Hà Nội.
2. Trần Nhật Phương, *et al.* Xác định nhu cầu và năng lực sinh viên ngành bác sĩ đa khoa tại trường Đại học Văn Lang trong tình hình mới. *Tạp chí Giáo dục*. 2022. 21(1): p. 59-64.
3. Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. Đề án tuyển sinh năm 2023. Tuyển sinh - Đào tạo 2023. Available from: <https://ump.edu.vn/tuyen-sinh-dao-tao/dai-hoc/tuyen-sinh/5200/de-an-tuyen-sinh-nam-2023>.
4. Trường Đại học Y Dược Cần Thơ, Đề án số 649/ĐHYDCT ngày 28/3/2023 của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ về ban hành đề án tuyển sinh năm 2023. Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. 2023.
5. Trường Đại học Y Dược Cần Thơ, Quyết định số 2018/QĐ-ĐHYDCT ngày 26/8/2021 ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học. 2021: Cần Thơ.
6. Trịnh Thị Hồng Nhung, *et al.* Kỹ năng nghiên cứu khoa học của sinh viên y khoa hai năm cuối tại Trường Đại học Y Hà Nội – Phân hiệu Thanh Hóa. *Tạp chí Nghiên cứu Y học*. 2025. 188(3), 310-318, doi: 10.52852/tencyh.v188i3.3101.
7. Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tổng kết Đề án Phát triển hệ thống trường THPT chuyên giai đoạn 2010-2020. Hội nghị tổng kết 10 năm thực hiện Đề án Phát triển hệ thống trường THPT chuyên giai đoạn 2010-2020. 2022. Available from: <https://moet.gov.vn/tintuc/Pages/tin-tong-hop.aspx%3FItemID=7725>.
8. Báo điện tử Chính phủ. Tra cứu điểm chuẩn, điểm sàn tuyển sinh đại học 2023. 2023. Available from: <https://xaydungchinhsach.chinhphu.vn/tra-cuu-diem-san-diem-chuan-cac-truong-dai-hoc-nam-2023-119230722105158003.htm>.
9. Khadka, A., *et al.*. Learning styles, approaches and academic performance of second and third-year medical students of a medical college of Kathmandu: a descriptive cross-sectional study. *Ann Med Surg (Lond)*. 2024. 86(8), 4432-4438. doi: 10.1097/MS9.0000000000002316.
10. Trần Thị Lợi và Trần Đức Lai. Nghiên cứu kết quả học tập và một số yếu tố liên quan ở năm thứ nhất và năm thứ hai của sinh viên ngành Y đa khoa khóa học 2012-2018 Trường Đại học Y Dược Huế. *Tạp chí Y Dược học - Trường Đại học Y Dược Huế*. 2016. 32, 84-93, doi: 10.34071/jmp.2016.2.12.
11. Althewini, A., Beyond admission scores: evaluating GAT, SAAT, and English proficiency as predictors of physics performance in health science education. *Front Med (Lausanne)*. 2025. 12, 1595079, doi: 10.3389/fmed.2025.1595079.